

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Giáp Quang Huy*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Thiện; 2. Ông Nguyễn Quốc Sửu.**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án huyện T.**- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2022/TLST-DS ngày 16/11/2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-DS ngày 13/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-DS ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã Quang T, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện ngày 08/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Năm 2016 bà có cho bà Nguyễn Thị L vay 3,5 chỉ vàng 9999, không tính lãi, không thỏa thuận thời gian trả nợ cụ thể mà chỉ nói là vay mấy tháng. Sau đó bà L đã trả cho bà nhiều lần bằng tiền, khi trả không viết giấy biên nhận. Ngày 02/7/2021 bà và bà L chốt nợ, bà L viết giấy xác nhận nợ, nội dung “....Tôi còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền là 5.000.000 đồng, tôi hứa trả bà T vào ngày 30/12/2021 (âm lịch), nếu sai tôi xin chịu trước pháp luật”. Đến hạn trả nợ, bà L không trả cho bà như đã cam kết, bà đòi nhiều lần nhưng bà L không trả. Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả bà 5.000.000 đồng, bà không yêu cầu bà L trả lãi.

**\* Tại bản tự khai ngày 21/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Bà xác nhận năm 2016 bà có vay của bà Nguyễn Thị T 3,5 chỉ vàng 9999, không tính lãi, không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể mà chỉ nói là vay mấy tháng. Sau đó, bà trả cho bà T nhiều lần bằng tiền mặt, khi trả không có giấy tờ biên nhận, không có ai chứng kiến. Ngày 02/7/2021, bà và bà L chốt nợ, bà L viết giấy xác nhận bà còn nợ bà T số tiền 5.000.000 đồng và hứa trả bà T vào ngày 30/12/2021, thực chất bà và bà T cùng bán Bảo hiểm nhân Thọ, năm 2017 bà giới thiệu cho bà T ký 01 Hợp đồng bảo hiểm của khách hàng tên Lữ, giá trị bảo hiểm 12.000.000 đồng. Bà T có thỏa thuận miệng trích phần trăm hoa hồng cho bà 5.000.000 đồng và đối trừ vào số tiền 5.000.000 đồng mà bà còn nợ bà T, nên bà xác định đã trả xong 5.000.000 đồng của bà T từ năm 2017. Do đó, nay bà T yêu cầu bà tiếp tục trả nợ 5.000.000 đồng thì bà không đồng ý hoặc nếu bà trả số tiền còn nợ bà T 5.000.000 đồng, thì bà T cũng phải trả bà 5.000.000 đồng tiền hoa hồng của Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ ký từ năm 2017, nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Bị đơn bà L nhất trí trả bà T 5.000.000 đồng với điều kiện bà T phải trả bà tiền hoa hồng 5.000.000 đồng của Hợp đồng bảo hiểm do bà giới thiệu cho bà T ký năm 2017 của khách hàng tên Lữ giá trị 12.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

- Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị L.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bà Nguyễn Thị L trả bà Nguyễn Thị T số tiền vay 5.000.000 đồng.

- Về án phí: Buộc bà L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả nợ tiền vay 5.000.000 đồng theo Giấy xác nhận nợ tiền ngày 02/7/2021, do đó xác định là quan hệ tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy xác nhận nợ tiền ngày 02/7/2021, thời hạn trả nợ ngày 30/12/2021 (âm lịch). Ngày 08/11/2022 bà T khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện 03 năm quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Năm 2016 bà có cho bà Nguyễn Thị L vay 3,5 chỉ vàng. các bên thỏa thuận vay vài tháng, không tính lãi. Sau đó bà L đã trả cho bà nhiều lần bằng tiền và bà cũng đồng ý, khi trả không viết giấy biên nhận, đến ngày 02/7/2021 bà

và bà L có chốt công nợ và bà L có viết Giấy xác nhận nợ tiền với nội dung “....Tôi còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền là 5.000.000 đồng, tôi hứa trả bà T vào ngày 30/12/2021 (âm lịch), nếu sai tôi xin chịu trước pháp luật”, nhưng đến hạn bà L không trả tiền cho bà T như cam kết. Như vậy, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, nay bà T yêu cầu bà L phải trả số tiền vay gốc 5.000.000 đồng, theo giấy xác nhận nợ ngày 02/7/2021 là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày đã đối trừ số tiền nợ của bà T 5.000.000 đồng theo thỏa thuận miệng trích phần trăm hoa hồng cho bà 5.000.000 đồng thông qua việc giới thiệu ký 01 Hợp đồng bảo hiểm của khách hàng trị giá 12.000.000 đồng. Tuy nhiên bà T không thừa nhận, bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[4]Về án phí: Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị L.

2. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bà Nguyễn Thị L trả bà Nguyễn Thị T tiền nợ gốc 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh Bắc Giang;
- VKS huyện T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

- THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Giáp Quang Huy**